

Số: 1682/2026/TB-DGVN

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

1. Tổ chức hành nghề đầu giá tài sản: Công ty đầu giá hợp danh Đầu giá Việt Nam - Trụ sở: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, KĐT Sài Đồng, P. Phúc Lợi, TP Hà Nội.

2. Người có tài sản đầu giá: Trung tâm cung ứng dịch vụ công, UBND xã Quảng Bình. Địa chỉ: Số 117, Đường Lưu Bình Thái, thôn Hiền Tây, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

3. Tên tài sản đầu giá: Quyền sử dụng đất ở tại MBQH kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 14/06/2022 Khu dân cư mới Xa Thụ, xã Quảng Bình (giai đoạn 1).

4. Nguồn gốc tài sản, giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đầu giá: Tài sản đầu giá căn cứ theo Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình về việc phê duyệt đầu giá QSD đất ở tại MBQH kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 14/06/2022 Khu dân cư mới Xa Thụ, xã Quảng Bình (giai đoạn 1).

5. Tài sản đầu giá, số lượng, diện tích, hình thức, phương thức đầu giá:

Tài sản đầu giá	Số lượng	Diện tích (m ²)	Hình thức đầu giá	Phương thức đầu giá
Quyền sử dụng đất ở tại MBQH kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 14/06/2022 Khu dân cư mới Xa Thụ, xã Quảng Bình (giai đoạn 1)	115 Thửa đất	Tổng diện tích: 17.451 m² ; Diện tích mỗi lô từ 107,1 m ² đến 313,5 m ²	Đầu giá theo 01m ² đất bằng hình thức bỏ phiếu giáp tiếp 01 vòng duy nhất	Phương thức trả giá lên

6. Giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đầu giá.

(Chi tiết theo Danh mục đính kèm)

- Tiền bán hồ sơ mời tham gia đầu giá, bao gồm 02 mức:
 - + Đối với các lô đất có giá trị QSD đất theo giá khởi điểm từ 01 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng: **200.000** đồng/hồ sơ/lô đất. (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng trên một hồ sơ trên một lô đất)
 - + Đối với các lô đất có giá trị QSD đất theo giá khởi điểm dưới 01 tỷ đồng: **100.000** đồng/hồ sơ/lô đất. (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng trên một hồ sơ trên một lô đất)

7. Bước giá:

- Bước giá là mức chênh lệch giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.
- Bước giá được áp dụng cho mỗi vòng đấu kế tiếp trong trường hợp kết quả trả giá tại vòng đấu gián tiếp có từ 02 người trở lên có giá đã trả cao bằng nhau và đồng ý đầu giá tiếp là **1,0%** mức giá trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó.

8. Nơi có tài sản, thời gian, địa điểm xem tài sản đầu giá:

- Thời gian tổ chức cho người tham gia xem tài sản đầu giá: Từ ngày 29/6/2026 đến ngày 03/7/2026 (giờ hành chính)

- Địa điểm xem tài sản: Tại thực địa khu đất đấu giá thuộc Khu dân cư mới Xa Thụ, xã Quảng Bình (giai đoạn 1).

(Lưu ý: Người tham gia tự bố trí phương tiện đi lại để chủ động xem thực địa khu đất đấu giá trong thời gian quy định hoặc ngoài thời gian quy định nêu trên)

9. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá.

- Ngày, giờ bắt đầu: 08h00 ngày 24/6/2026

- Ngày, giờ hết hạn: 17h00 ngày 07/7/2026

(Lưu ý: Thời gian là các ngày làm việc trong tuần trừ thứ 7, chủ nhật)

- Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá tại:

+ Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam. Địa chỉ: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Lợi, TP Hà Nội. Điện thoại: 0976 448 446.

+ Văn phòng Công ty tại địa chỉ - Lô 8 LK5-1 Khu ĐTM Đông Sơn, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. (Điện thoại: 0989 224 830 / 0989 185 124)

+ Trung tâm cung ứng dịch vụ công, UBND xã Quảng Bình - Số 117, Đường Lưu Bình Thái, thôn Hiền Tây, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa. (Điện thoại: 0989 224 830 / 0989 185 124)

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ/nộp hồ sơ tham gia, đăng ký tham gia đấu giá tại:

+ Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam. Địa chỉ: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Lợi, TP Hà Nội. Điện thoại: 0976 448 446.

+ Văn phòng Công ty tại địa chỉ - Lô 8 LK5-1 Khu ĐTM Đông Sơn, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. (Điện thoại: 0989 224 830 / 0989 185 124)

***Lưu ý:**

- Người tham gia đấu giá nộp hồ sơ tham gia trực tiếp hoặc gửi thư đảm bảo đến trụ sở của Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam trước ngày, giờ hết hạn theo Thông báo này.

- Người tham gia đấu giá tham khảo Hồ sơ mời tham gia đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản Quốc gia: dgs.moj.gov.vn; và liên hệ đến Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để được hướng dẫn mua hồ sơ, nộp hồ sơ tham gia đấu giá.

THÔNG TIN TÀI KHOẢN NỘP TIỀN MUA HỒ SƠ MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ:

Người tham gia đấu giá nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá vào tài khoản sau:



Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

Số tài khoản: **8012 8187 1200 001**

Ngân hàng: Nam Á Bank – CN Hà Nội

Nội dung chuyển khoản:

<Tên người mua> <Số CCCD> mua hồ sơ QC380

Ví dụ: Nguyễn Văn A 000182145678 mua hs QC380

***Lưu ý:**

- Hồ sơ mời tham gia đấu giá đã mua thì không được đổi, trả lại trong bất kỳ trường hợp nào, trừ trường hợp phiên đấu giá không tổ chức được.

- Không chấp nhận trường hợp nộp góp tiền mua hồ sơ với tiền đặt trước trong cùng một chứng từ giao dịch hoặc nộp tiền mua hồ sơ nhằm sang tài khoản tiếp nhận tiền đặt trước.

10. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước:

- Ngày, giờ bắt đầu: 08h00 ngày 24/6/2026

- Ngày, giờ hết hạn: 17h00 ngày 07/7/2026

THÔNG TIN TÀI KHOẢN NỘP TIỀN ĐẶT TRƯỚC:

Người tham gia đấu giá nộp tiền mặt vào tài khoản hoặc chuyển khoản tiền đặt trước vào một trong 02 tài khoản sau:

Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam



- Số tài khoản: **1116 8281 2345**

Mở tại: Vietinbank – Chi nhánh Ba Đình

- Số tài khoản: **0511 666 88888**

Mở tại: LP Bank - Chi nhánh Đông Anh

Nội dung: <Tên người tham gia> <Số CCCD> < số lượng lô đất> QC380

Ví dụ: Nguyen Van A 000182145678 01Lo QC380

*** Lưu ý:**

Các nội dung lưu ý khi nộp tiền đặt trước và xử lý các tình huống nộp tiền đặt trước được quy định chi tiết tại Điều 12 Quy chế cuộc đấu giá này.

11. Thời gian, địa điểm nộp phiếu trả giá, bỏ phiếu trả giá vào thùng phiếu:

- Thời gian: **Từ 08h00 ngày 06/7/2026 đến 17h00 ngày 06/7/2026** tại thùng phiếu đặt tại địa điểm:

Trụ sở UBND xã Quảng Bình – Địa chỉ: Số 117, Đường Lưu Bình Thái, thôn Hiền Tây, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa. (Điện thoại: 0989 224 830 / 0989 185 142)

- Thời gian: **Từ 08h00 ngày 07/7/2026 đến 17h00 ngày 07/7/2026** tại thùng phiếu đặt tại địa điểm:

+ Văn phòng Công ty tại địa chỉ - Lô 8 LK5-1 Khu ĐTM Đông Sơn, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa. (Điện thoại: 0989 224 830 / 0989 185 142)

12. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian tổ chức phiên đấu giá, mở công bố phiếu trả giá (dự kiến): **14 giờ 00 phút ngày 10/7/2026 (Thứ sáu).**

- Địa điểm tổ chức phiên đấu giá (dự kiến): Tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Quảng Bình - Số 117, Đường Lưu Bình Thái, thôn Hiền Tây, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

*** Lưu ý:**

- Người tham gia đấu giá phải có mặt tại địa điểm tổ chức phiên đấu giá chậm nhất vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 10/7/2026 để làm thủ tục vào hội trường đấu giá.

- Trường hợp ủy quyền tham gia đấu giá khi đến tham dự phiên đấu giá phải có văn bản ủy quyền hợp lệ, có nội dung ủy quyền cụ thể, rõ ràng phạm vi, công việc được ủy quyền.

13. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.

* **Điều kiện, cách thức đăng ký:** Cá nhân thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 119, Khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024 thực hiện nộp hồ sơ tham gia đấu giá, nộp tiền mua hồ sơ tham gia, nộp tiền đặt trước đúng thời gian, địa điểm quy định; không thuộc các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản và các trường hợp bị cấm tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị quyết 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính Phủ.

Trường hợp nhận ủy quyền tham gia đấu giá: Một người chỉ được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của một người. Người đã tham gia đấu giá thì không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người khác.

* **Hồ sơ tham gia đấu giá:** Một người tham gia có thể tham gia đấu giá nhiều lô đất, mỗi 01 lô đất đăng ký đấu giá phải nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước, đăng ký đấu giá nhiều lô đất phải nộp tiền mua hồ sơ tham gia và tiền đặt trước tương ứng với số lượng lô đất đăng ký đấu giá. Cách ghi Phiếu đăng ký tham gia đấu giá được hướng dẫn tại tờ Phiếu mẫu đính kèm Quy chế cuộc đấu giá này. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá phải nộp theo quy định tại **Điều 10** Quy chế cuộc đấu giá này.

*** Lưu ý:**

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá **không yêu cầu ghi ký hiệu lô đất, không ghi số điện thoại** của người tham gia đấu giá.

- Người tham gia đấu giá chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại Thông báo, Quy chế cuộc đấu giá và bảo mật thông tin đăng ký của mình.

14. Phiếu trả giá hợp lệ, phiếu trả giá không hợp lệ:

- Phiếu trả giá hợp lệ: là phiếu do đơn vị tổ chức phiên đấu giá phát hành (phiếu theo mẫu in sẵn, có đóng dấu của Tổ chức đấu giá tài sản), Phiếu ghi đầy đủ các nội dung cần thiết trên mẫu, nộp đúng thời gian quy định, trả giá hợp lệ từ giá khởi điểm trở lên, được ký và ghi rõ họ tên.

- Phiếu trả giá không hợp lệ: là Phiếu trả giá không đáp ứng yêu cầu của Phiếu hợp lệ, phiếu rách nát, không ghi giá trả, trả thấp hơn giá khởi điểm, giá trả ghi không rõ nghĩa, không ký và ghi đầy đủ họ tên; phiếu không được bỏ vào thùng phiếu đúng thời gian quy định; các trường hợp được xác định là phiếu không hợp lệ quy định cụ thể tại Quy chế cuộc đấu giá.

15. Thủ tục niêm phong thùng phiếu, mở niêm phong thùng phiếu:

- Trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện việc niêm phong các vị trí có thể mở hoặc bị tác động làm thay đổi tính nguyên vẹn của thùng phiếu, ngoại trừ khu vực miệng thùng. Thùng phiếu này là duy nhất và được sử dụng xuyên suốt trong thời gian bỏ phiếu hợp lệ để người tham gia đấu giá thực hiện bỏ phiếu trả giá.

- Ngay sau khi kết thúc thời hạn tiếp nhận phiếu trả giá, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện việc niêm phong miệng thùng phiếu, nhằm bảo đảm không có phiếu trả giá nào được bỏ thêm vào sau khi kết thúc thời gian nộp phiếu trả giá.

- Tại buổi công bố giá, Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá mời người có tài sản đấu giá và ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát về sự nguyên vẹn của thùng phiếu. Nếu không còn ý kiến nào khác về kết quả giám sát thì Đấu giá viên tiến hành bóc niêm phong của thùng phiếu. Các thủ tục giám sát về sự nguyên vẹn của từng phiếu trả giá được thực hiện theo quy định và quy định cụ thể tại Quy chế cuộc đấu giá.

16. Thông tin chi tiết việc đấu giá tài sản:

- Hồ sơ mời tham gia đấu giá được đăng tải công khai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia: <https://dgts.moj.gov.vn>; website: <https://daugiavietnam.vn>. ĐỀ NGHỊ người tham gia đấu giá tham khảo kỹ hồ sơ trước khi nộp hồ sơ tham gia đấu giá. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp phát sinh do lỗi của người tham gia đấu giá không tìm hiểu kỹ hồ sơ.

- Thông tin chi tiết xin liên hệ: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam. Trụ sở: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024.39842728/ Hotline: 0976 448 446/0989 224 830/0989 185 124.

Nơi nhận:

- Cổng Đấu giá tài sản Quốc gia;
- UBND xã Quảng Bình;
- Trung tâm cung ứng dịch vụ công;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
ĐẤU GIÁ VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thu Giang

DANH MỤC 115 LÔ ĐẤT ĐẦU GIÁ - ĐỢT 1

(Kèm theo Thông báo đấu giá tài sản số 1682/2026/TB-ĐGVN ngày 24/6/2026)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trị QSD đất theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
1	A1:01	122	8.400.000	1.024.800.000	512.400.000	200.000
2	A1:02	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
3	A1:03	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
4	A1:04	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
5	A1:05	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
6	A1:06	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
7	A1:07	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
8	A1:08	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
9	A1:09	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
10	A1:10	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
11	A1:11	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
12	A1:12	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
13	A1:13	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
14	A1:14	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
15	A1:15	120	7.700.000	924.000.000	462.000.000	100.000
16	A2:01	120	7.700.000	924.000.000	462.000.000	100.000
17	A2:02	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
18	A2:03	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
19	A2:04	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
20	A2:05	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
21	A2:06	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
22	A2:07	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
23	A2:08	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
24	A2:09	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
25	A2:10	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
26	A2:11	140	7.700.000	1.078.000.000	539.000.000	200.000
27	A3:01	120	7.700.000	924.000.000	462.000.000	100.000
28	A3:02	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
29	A3:03	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
30	A3:04	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
31	A3:05	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
32	A3:06	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
33	A3:07	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trị QSD đất theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
34	A3:08	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
35	A3:09	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
36	A3:10	120	7.700.000	924.000.000	462.000.000	100.000
37	A4:01	120	7.700.000	924.000.000	462.000.000	100.000
38	A4:02	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
39	A4:03	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
40	A4:04	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
41	A4:05	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
42	A4:06	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
43	A4:07	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
44	A4:08	121,5	8.400.000	1.020.600.000	510.300.000	200.000
45	C1:01	107,1	8.400.000	899.640.000	449.820.000	100.000
46	C1:02	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
47	C1:03	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
48	C1:04	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
49	C1:05	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
50	C1:06	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
51	C1:07	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
52	C1:08	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
53	C1:09	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
54	C1:10	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
55	C1:11	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
56	C1:12	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
57	C1:13	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
58	C1:14	120	7.700.000	924.000.000	462.000.000	100.000
59	C1:15	150	9.537.000	1.430.550.000	715.275.000	200.000
60	C1:16	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
61	C1:17	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
62	C1:18	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
63	C1:19	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
64	C1:20	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
65	C1:21	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
66	C1:22	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
67	C1:23	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trị QSD đất theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
68	C1:24	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
69	C1:25	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
70	C1:26	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
71	C1:27	180,5	10.404.000	1.877.922.000	938.961.000	200.000
72	C2:01	120	7.700.000	924.000.000	462.000.000	100.000
73	C2:02	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
74	C2:03	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
75	C2:04	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
76	C2:05	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
77	C2:06	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
78	C2:07	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
79	C2:08	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
80	C2:09	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
81	C2:10	120	7.000.000	840.000.000	420.000.000	100.000
82	C2:11	135,5	8.400.000	1.138.200.000	569.100.000	200.000
83	C2:12	170,5	10.404.000	1.773.882.000	886.941.000	200.000
84	C2:13	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
85	C2:14	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
86	C2:15	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
87	C2:16	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
88	C2:17	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
89	C2:18	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
90	C2:19	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
91	C2:20	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
92	C2:21	150	8.670.000	1.300.500.000	650.250.000	200.000
93	C2:22	150	9.537.000	1.430.550.000	715.275.000	200.000
94	BT1:01	287,9	8.400.000	2.418.360.000	1.209.180.000	200.000
95	BT1:02	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000
96	BT1:03	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000
97	BT1:04	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000
98	BT1:05	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000
99	BT1:06	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000
100	BT1:07	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000
101	BT1:08	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trị QSD đất theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
102	BT1:09	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000
103	BT1:10	240	7.000.000	1.680.000.000	840.000.000	200.000
104	BT1:11	284,9	8.400.000	2.393.160.000	1.196.580.000	200.000
105	BT1:12	313,5	7.800.000	2.445.300.000	1.222.650.000	200.000
106	BT1:13	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
107	BT1:14	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
108	BT1:15	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
109	BT1:16	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
110	BT1:17	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
111	BT1:18	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
112	BT1:19	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
113	BT1:20	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
114	BT1:21	240	6.500.000	1.560.000.000	780.000.000	200.000
115	BT1:22	287,9	7.800.000	2.245.620.000	1.122.810.000	200.000
Tổng		17.451		130.694.584.000	65.347.292.000	